

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015

đến ngày 30/06/2015

(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	05 - 34
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Viettel (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

CÔNG TY

Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH Nhà nước MTV Công trình Viettel sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 135/QĐ-BQP ngày 15/01/2010 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Công trình Viettel thuộc Tổng Công ty Viễn thông Quân đội (nay là Tập đoàn Viễn thông Quân đội) thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Công trình Viettel hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0104753865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 09 tháng 06 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ ba tại ngày 27 tháng 07 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty tại số 01 Phố Giang Văn Minh, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Văn phòng giao dịch đặt tại lô D26 Khu đô thị mới, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Công Vĩnh	Chủ tịch	
Ông Dương Quốc Chính	Thành viên	
Ông Lê Minh Nghiệm	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2015)
Ông Bùi Thế Hùng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2015)
Ông Nguyễn Giang Sơn	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2015)
Ông Trần Đình Hà	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2015)
Bà Đào Thúy Hương	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2015)
Ông Lê Tiến Dũng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2015)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Quốc Chính	Giám đốc
Ông Lê Minh Nghiệm	Phó Giám đốc
Ông Vũ Phương Tây	Phó Giám đốc
Ông Trần Đình Hà	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đặng Kim Hoa	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Quang Đệ	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2015)
Bà Trương Thu Hà	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2015)
Ông Nguyễn Bá Nhiên	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2015

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Dương Quốc Chính

Số: 1441/2015/BC.KTTC-AASC.KT6

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Công trình Viettel

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Công trình Viettel lập tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục đối chiếu giữa thông tin trên báo cáo kế toán về sản xuất kinh doanh dở dang và báo cáo về tình hình thực hiện thi công của Công ty tại ngày 30/06/2015. Tuy nhiên với các thông tin hiện có, chúng tôi vẫn chưa thể đánh giá được mức độ hợp lý của số dư Khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và ảnh hưởng của vấn đề này tới Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Thị Thanh Giang

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0286-2013-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2015

Nguyễn Anh Ngọc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1437-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.469.220.874.177	1.029.683.127.687
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	145.591.507.901	49.799.834.175
111 1. Tiền		145.591.507.901	49.799.834.175
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		524.587.110.983	454.062.802.279
131 1. Phải thu khách hàng		410.480.010.729	370.638.272.383
132 2. Trả trước cho người bán		130.986.753.440	94.494.999.086
134 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	7.192.397.436
135 5. Các khoản phải thu khác	4	8.804.155.150	7.420.941.710
139 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(25.683.808.336)	(25.683.808.336)
140 IV. Hàng tồn kho	6	545.390.470.308	465.363.378.437
141 1. Hàng tồn kho		561.223.772.344	481.783.210.259
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(15.833.302.036)	(16.419.831.822)
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		253.651.784.985	60.457.112.796
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.594.189.602	340.554.890
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.373.707.268	8.861.301.466
154 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	410.798.705	131.727.946
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	8	248.273.089.410	51.123.528.494
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		45.040.567.182	47.412.150.081
220 II. Tài sản cố định		32.100.731.561	32.914.455.277
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	12.524.610.766	13.429.597.255
222 - Nguyên giá		60.936.102.440	60.473.184.434
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(48.411.491.674)	(47.043.587.179)
227 3. Tài sản cố định vô hình	10	18.612.041.028	19.225.258.022
228 - Nguyên giá		24.336.888.039	24.336.888.039
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(5.724.847.011)	(5.111.630.017)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	964.079.767	259.600.000
240 III. Bất động sản đầu tư	12	5.589.671.291	7.848.359.877
241 - Nguyên giá		27.104.263.033	27.104.263.033
242 - Giá trị hao mòn lũy kế		(21.514.591.742)	(19.255.903.156)
260 V. Tài sản dài hạn khác		7.350.164.330	6.649.334.927
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	13	6.976.835.059	6.608.246.702
262 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	27.2	373.329.271	41.088.225
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.514.261.441.359	1.077.095.277.768

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.037.970.445.611	640.674.838.318
310	I. Nợ ngắn hạn		885.209.126.385	570.269.068.753
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	191.886.958.475	96.932.140.361
312	2. Phải trả người bán		127.280.053.012	134.479.016.452
313	3. Người mua trả tiền trước		294.013.876.157	53.781.185.490
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	29.123.897.892	43.190.493.056
315	5. Phải trả người lao động		30.750.390.854	49.224.686.411
316	6. Chi phí phải trả	16	110.810.033.249	93.666.154.059
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	51.068.063.862	52.655.287.079
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	41.169.828.706	46.056.896.999
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		9.106.024.178	283.208.846
330	II. Nợ dài hạn		152.761.319.226	70.405.769.565
334	4. Vay và nợ dài hạn		184.657.124	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện	19	152.576.662.102	70.405.769.565
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		475.901.845.520	436.021.445.343
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	475.901.845.520	436.021.445.343
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		273.695.650.000	238.000.000.000
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(1.758.165.078)	(1.559.825.074)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		38.416.525.187	38.416.525.187
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		10.268.618.655	10.268.618.655
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		155.279.216.756	150.896.126.575
439	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		389.150.228	398.994.107
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.514.261.441.359	1.077.095.277.768

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015*

Mã số Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
002 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	42.424.516
004 4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.207.812.423	1.207.812.423
005 5. Ngoại tệ các loại			
005a - USD		3.693.688,21	468.619,06
005b - Gourdes Haiti		159.203,82	159.201,98
005c - Soles Peru		963.475,00	955.789,00
005d - Fcfa Cameroon		2.818.716,00	121.061.605,00
005e - Bif Burudi		595.744.870,00	48.198.113,00
005f - Mtn Mozambique		7.193.856,85	14.699.640,26
005g - Tzs Tanzania		2.454.579.184,00	-

Người lập biểu



Nguyễn Văn Nam

Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Hải

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2015

Giám đốc



Dương Quốc Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		684.622.184.906	521.264.117.266
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	684.622.184.906	521.264.117.266
11	4. Giá vốn hàng bán	22	612.299.545.229	471.007.720.010
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		72.322.639.677	50.256.397.256
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.559.897.250	235.988.253
22	7. Chi phí tài chính	24	4.068.464.375	421.721.287
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.718.887.551	419.453.236
24	8. Chi phí bán hàng		17.643.339	11.512.555
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	16.687.887.091	17.400.092.294
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		53.108.542.122	32.659.059.373
31	11. Thu nhập khác	26	21.035.332.709	12.189.501.072
32	12. Chi phí khác		2.546.857.967	103.075
40	13. Lợi nhuận khác		18.488.474.742	12.189.397.997
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		71.597.016.864	44.848.457.370
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	18.590.017.011	10.309.791.865
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.2	(334.122.954)	(39.206.317)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		53.341.122.807	34.577.871.822
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		26.369.293	1.150.163
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		<u>53.314.753.514</u>	<u>34.576.721.659</u>
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.948	1.453

Người lập biểu



Nguyễn Văn Nam

Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Hải

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2015

Giám đốc




Dương Quốc Chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.060.993.678.321	536.359.453.649
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(821.541.562.065)	(411.870.026.958)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(81.325.774.660)	(74.846.773.670)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(3.772.799.217)	(184.275.441)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(25.161.567.015)	(17.656.337.127)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		45.569.567.884	51.537.138.468
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(171.492.542.957)	(109.968.076.484)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.269.000.291	(26.628.897.563)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(878.876.593)	(426.205.649)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		94.340.054	119.057.649
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(784.536.539)	(307.148.000)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		218.546.226.609	58.696.928.903
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(123.406.738.640)	(14.811.665.196)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(117.266.000)	(54.574.700)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		95.022.221.969	43.830.689.007
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		97.506.685.721	16.894.643.444
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		49.799.834.175	13.547.211.137
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.715.011.995)	73.463.528
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	145.591.507.901	30.515.318.109

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Văn Nam



Nguyễn Hữu Hải




Dương Quốc Chính